

Số: 118 /QĐ-THPTSS

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện công khai thường niên đối với cơ sở giáo dục phổ thông của Trường THPT Sóc Sơn

Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ tình hình thực tế về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2024-2025; thông tin về cơ sở vật chất, tài liệu học tập sử dụng chung, thông tin về chất lượng giáo dục thực tế năm học 2023-2024 và kết quả tài chính năm 2024 của Trường THPT Sóc Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2024-2025; thông tin về cơ sở vật chất, tài liệu học tập sử dụng chung, thông tin về chất lượng giáo dục thực tế năm học 2023-2024 và kết quả tài chính năm 2024 của Trường THPT Sóc Sơn.

(Kèm theo báo cáo thường niên năm 2024)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận tài vụ;
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Diệu Thanh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT SÓC SƠN

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

- I. THÔNG TIN CHUNG
- II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁC BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN
- III. CƠ SỞ VẬT CHẤT
- IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
- V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
- VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH
- VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG NĂM KHÁC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Diệu Thanh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Kèm theo QĐ số 118/QĐ-THPTSS ngày 16/6/2025)

Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THPT Sóc Sơn công khai các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học phổ thông Sóc Sơn
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ trụ sở chính: Km 1, quốc lộ 2, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Email: c3socson@hanoiedu.vn.

Cổng thông tin điện tử: <https://thptsocson.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

Loại hình cơ sở giáo dục: giáo dục đào tạo

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Diệu Thanh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Km 1, quốc lộ 2, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

Số điện thoại: 0989534789

Địa chỉ email:

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Quyết định thành lập trường số: 11/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 03/01/1985 về việc thành lập Trường THPT Sóc Sơn trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 2089/QĐ-SGDĐT ngày 21/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận Hội đồng trường THPT Sóc Sơn nhiệm kỳ 2022-2027;

Danh sách thành viên Hội đồng trường bao gồm:

- | | | |
|-----------------------------|----------------------|---------------|
| - Bà: Nguyễn Thị Diệu Thanh | - Bí thư chi bộ | - Hiệu trưởng |
| - Ông: Đoàn Trường | - Chủ tịch Công đoàn | |

- Bà Đào Thị Mai Hương
- Bà: Nguyễn Thị Chung
- Bà: Trần Thị Thanh Huế
- Bà: Nguyễn Thị Ngọc Bích
- Bà Vũ Thị Thanh Huyền
- Bà Khổng Thanh Tú
- Bà: Đỗ Thị Kim Như
- Ông: Trần Thạch Hồng
- Em: Phan Triệu Mai Linh
- Tổ trưởng tổ tự nhiên 2
- Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
- Trưởng phòng GDĐT huyện Sóc Sơn
- Tổ trưởng tổ tự nhiên 1
- Tổ trưởng tổ xã hội 1
- Tổ trưởng tổ xã hội 2
- Tổ trưởng Tổ Văn phòng
- Trưởng ban đại diện Cha mẹ học sinh
- Đại diện học sinh

Quyết định số 27/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận bà Nguyễn Thị Diệu Thanh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường THPT Sóc Sơn nhiệm kỳ 2022-2027;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 22/03/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Diệu Thanh giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Sóc Sơn nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày kí quyết định;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

8. Các văn bản khác:

- Quy chế dân chủ, Kế hoạch của nhà trường, Nghị quyết hội đồng trường, Phân công nhiệm vụ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản.

II. THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và NV	86	0	20	61	2	1	2	50	27	0				
I	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:	73	0	18	55	0	0	0	46	27	0	40	25	6	
1	Ngữ Văn	9	0	1	8	0	0	0	6	3	0	4	3	2	
2	Toán học	14	0	5	9	0	0	0	8	6	0	5	7	2	
3	Ngoại ngữ	10	0	2	8	0	0	0	8	2	0	2	7		
4	Thể dục	4	0	0	4	0	0	0	2	2	0	4			
5	GDQP-AN	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	1	1		
6	Lịch Sử	5	0	0	5	0	0	0	3	2	0	4	1		
7	Địa lý	5	0	1	4	0	0	0	4	1	0	3	2		
8	GDCD	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1			

9	Vật Lý	7	0	1	6	0	0	0	4	3	0	5	1	1	
10	Hóa học	7	0	3	4	0	0	0	4	3	0	5	1	1	
11	Sinh học	3	0	2	1	0	0	0	1	2	0	2			
12	Công nghệ (KTCN+KTNN)	3	0	2	1	0	0	0	1	2	0	2	1		
13	Tin học	3	0	1	2	0	0	0	2	1	0	2	1		
II	Cán bộ quản lý	2		2	0	0	0	0	0	2	0	2	1		
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1			
2	Phó hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	1		
III	Nhân viên	11			6	2	1	2	3						
1	NV văn thư	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0				
2	NV kế toán	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0				
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0				
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0				
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0				
7	NV hỗ trợ giáo dục người KT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0				
9	NV phục vụ	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0				
10	NV bảo vệ	4	0	0	1	1	0	2	0	0	0				

III. THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	28	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	22	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	
7	Bình quân lớp/phòng học	1.95	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	16.000	16.6
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	7.000	4.64
VI	Tổng diện tích các phòng	2.819	1.86
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.320	0.87
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	360	0.238



3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	80	0.05
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	0.09
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	799	0.53
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	400	0.27
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	2	0.2
2	Khối lớp 11	2	0.2
3	Khối lớp 12	2	0.2
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	99	Số học sinh/bộ 14

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	28	0.52
2	Cát xét	0	0.26
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0.085
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0.72
5	Thiết bị khác...	5	0.43

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		5		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 32/2020/QĐ-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	

XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường hoàn thành cuối năm 2024, kế hoạch cải tiến sau đánh giá

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của trường cuối năm 2025, kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm.

V. THÔNG TIN VỀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin có liên quan: Thực hiện đúng theo quy định.

2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường hàng năm đầy đủ.

3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

4. Các chương trình hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

VI. THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ NĂM HỌC 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1.801	634	627	540	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	(96.78%)	(95.74%)	(96.65%)	(98.15%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	(3.22%)	(4.26%)	(3.35%)	(1.85%)	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	(%)	(%)	(%)	0	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	1.801	634	627	540	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	(52.75%)	(45.74%)	(50.4%)	(63.7%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	(43.31%)	(48.42%)	(44.5%)	(35.93%)	
3	Trung bình(đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	(3.94%)	(5.84%)	(5.1%)	(0.37%)	
4	Yếu (Chưa đạt)(tỷ lệ so với tổng số)	(%)	(%)	(%)	01	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	100%	100%	100%	100%	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	(%)	7.73%	7.81%	62.96%	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	(%)	37.38%	42.11%	36.67%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		(%)	(%)	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	(%)	0	(%)	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	10/1	10/1	0/	0/	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	

HỌ TÊN
 TRƯỜNG
 SỐ TH
 ĐỨC S
 *

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.0015			0.0015	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi HS giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	16			16	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	540			540	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	540			540	
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	%				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	798/1003	294/340	278/349	226/314	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	1	2	0	

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính năm 2024

a) Các khoản thu:

- Ngân sách: + Chi thường xuyên: 17.023.743.000 đồng
+ Chi không thường xuyên: 560.665.000 đồng.
- Học phí: 836.835.000 đồng
- Cấp bù học phí theo nghị định 81: 3.570.000 đồng
- Bảo hiểm y tế học sinh do BHXH chi trả: 64.629.308 đồng

b) Các khoản chi:

- Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương: 4.749.296.956 đồng
- Chi các cơ sở vật chất và dịch vụ: 788.410.454 đồng
- Chi chuyên môn nghiệp vụ: 12.752.004.250 đồng
- Chi khác: 62.045.909 đồng

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Học kỳ II năm học 2023-2024:

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Quyết định số 62/QĐ-THPTSS ngày 25 tháng 03 năm 2024 của hiệu trưởng trường THPT Sóc Sơn về việc miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2023-2024 như sau:

Miễn cho 04 em là đối tượng con mồ côi, con thương bệnh binh, học sinh khuyết tật;

Giảm 50% học phí cho 06 em học sinh thuộc hộ cận nghèo, 02 em học sinh có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động

+ Về trợ cấp: Quyết định số 63/QĐ-THPTSS ngày 25 tháng 3 năm 2024 của hiệu trưởng trường THPT Sóc Sơn, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2 năm học 2023-2024 cho 01 em học sinh khuyết tật, 01 em học sinh thuộc mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Học kỳ I năm học 2024-2025

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Quyết định số 253/QĐ-THPTSS ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT Sóc Sơn, nhà trường miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2024-2025 cho các em học sinh như sau

Miễn cho 04 học sinh khuyết tật, 02 học sinh là con thương bệnh binh;

Giảm học phí cho 07 em học sinh thuộc hộ cận nghèo, 03 em học sinh có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động

+ Về trợ cấp: Quyết định số 254/QĐ-THPTSS ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường THPT Sóc Sơn, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2024-2025 cho 04 học sinh khuyết tật.

- Học kỳ II năm học 2024-2025

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Quyết định số 32/QĐ-THPTSS ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT Sóc Sơn, nhà trường miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024-2025 cho các em học sinh như sau

Miễn cho 04 học sinh khuyết tật, 02 học sinh là con thương bệnh binh;

Giảm học phí cho 04 em học sinh thuộc hộ cận nghèo, 03 em học sinh có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động

+ Về trợ cấp: Quyết định số 33/QĐ-THPTSS ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Sóc Sơn, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2024-2025 cho 04 học sinh khuyết tật.

3. Số dư các quỹ theo quy định (Tính đến 31/12/2024)

- Quỹ dạy thêm, học thêm: 1.213.685 đồng
- Quỹ các quỹ đã trích lập: 1.679.138.824 đồng
- Quỹ bảo hiểm y tế do BHXH cấp: 29.293.764 đồng
- Kinh phí học nghề trung tâm trả: 673.231 đồng
- Quỹ học phí: 159.392.750 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Diệu Thanh



